

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 31 tháng 3 năm 2017



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 47

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có hai trăm bảy mươi ba (273) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên
Ông Trần Quốc Trí	Thành viên
Ông Lý Văn Xuân	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Vũ Nam	Trưởng ban
Ông Lê Đình Hạnh	Thành viên
Bà Đồng Thị Thanh Hằng	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Thanh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Phẩm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Quyền Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017
Ông Phan Duy Quang	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Phước Vũ.

Ông Trần Ngọc Chu được Ông Lê Phước Vũ ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 51/UQ/CT-HĐQT/2016 ngày 23 tháng 3 năm 2016.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 3 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên



Trần Ngọc Chu  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 5 năm 2017

Số tham chiếu: 61183992/19355153/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 26 tháng 5 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 31 tháng 3 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 5 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017


VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>11.913.197.235.497</b>	<b>7.057.496.113.079</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>236.776.280.693</b>	<b>576.620.705.083</b>
111	1. Tiền		236.632.758.818	576.477.183.208
112	2. Các khoản tương đương tiền		143.521.875	143.521.875
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.695.188.251.920</b>	<b>1.097.734.614.933</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	966.187.061.438	512.883.028.481
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	517.427.647.660	418.334.564.354
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		400.000.000	400.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	217.934.822.732	172.878.302.008
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 6	(6.761.279.910)	(6.761.279.910)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>8.446.775.186.391</b>	<b>4.821.500.983.389</b>
141	1. Hàng tồn kho		8.466.099.524.506	4.835.669.252.872
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(19.324.338.115)	(14.168.269.483)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.534.457.516.493</b>	<b>561.639.809.674</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	141.634.670.204	89.057.046.906
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	16	1.392.179.429.559	472.570.764.899
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	643.416.730	11.997.869
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>6.906.610.241.442</b>	<b>5.252.489.822.394</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>28.470.549.901</b>	<b>28.470.549.901</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	25.000.000.000	25.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	3.470.549.901	3.470.549.901
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>4.968.216.774.590</b>	<b>4.590.256.155.671</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.405.255.742.862	4.010.721.553.262
222	Nguyên giá		6.989.140.438.683	6.334.589.034.551
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.583.884.695.821)	(2.323.867.481.289)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	274.874.489.583	286.223.132.542
225	Nguyên giá		409.001.932.431	390.450.105.019
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(134.127.442.848)	(104.226.972.477)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	288.086.542.145	293.311.469.867
228	Nguyên giá		319.484.681.046	322.941.011.046
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(31.398.138.901)	(29.629.541.179)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.431.821.962.200</b>	<b>294.089.597.497</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	1.431.821.962.200	294.089.597.497
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>71.160.736.926</b>	<b>25.902.371.384</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		24.560.736.926	25.902.371.384
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		46.600.000.000	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>406.940.217.825</b>	<b>313.771.147.941</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	346.216.176.377	218.966.831.302
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	60.724.041.448	94.804.316.639
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>18.819.807.476.939</b>	<b>12.309.985.935.473</b>


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>14.134.926.189.205</b>	<b>8.180.013.371.207</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>11.889.435.615.001</b>	<b>6.757.387.367.397</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	1.037.780.948.906	1.620.489.926.985
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	209.441.184.396	152.344.207.252
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	185.098.369.419	196.510.882.399
314	4. Phải trả người lao động		91.845.670.446	82.046.846.238
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	62.869.492.509	262.426.636.612
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	77.908.888.809	46.540.401.931
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	10.136.433.479.592	4.366.172.782.781
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		88.057.580.924	30.855.683.199
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.245.490.574.204</b>	<b>1.422.626.003.810</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	2.241.279.758.454	1.418.572.001.810
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		4.210.815.750	4.054.002.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.684.881.287.734</b>	<b>4.129.972.564.266</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.1</b>	<b>4.684.881.287.734</b>	<b>4.129.972.564.266</b>
411	1. Vốn cổ phần		1.965.398.290.000	1.965.398.290.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.965.398.290.000	1.965.398.290.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		551.571.933.521	551.571.933.521
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		47.901.636.552	6.784.575.670
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.082.818.313.466	1.602.771.684.847
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.227.075.413.184	98.578.241.748
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		855.742.900.282	1.504.193.443.099
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		37.191.114.195	3.446.080.228
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>18.819.807.476.939</b>	<b>12.309.985.935.473</b>

  
Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Người lập

  
Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng

  
Trần Ngọc Chu  
Tổng Giám đốc



Ngày 26 tháng 5 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	12.064.180.908.246	8.357.689.023.864
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(84.652.337.465)	(53.876.969.381)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	11.979.528.570.781	8.303.812.054.483
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(9.776.047.018.207)	(6.556.039.486.631)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.203.481.552.574	1.747.772.567.852
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	31.352.129.122	26.723.721.600
22	7. Chi phí tài chính	23	(276.555.439.488)	(131.743.557.900)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(193.855.852.810)	(108.384.318.734)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(642.563.300.681)	(473.701.714.961)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(323.318.417.202)	(386.290.734.635)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		992.396.524.325	782.760.281.956
31	11. Thu nhập khác	25	62.021.735.829	8.956.713.228
32	12. Chi phí khác	25	(890.451.967)	(10.285.856.298)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	25	61.131.283.862	(1.329.143.070)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.053.527.808.187	781.431.138.886
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.2	(163.709.598.747)	(178.390.198.220)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	(34.080.275.191)	2.709.793.904
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		855.737.934.249	605.750.734.570
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		855.742.900.282	605.750.734.570
62	19. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(4.966.033)	-
70	20. Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) - Lãi cơ bản trên cổ phiếu - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.4		2.959 2.959

  
Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Người lập

  
Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng

  
Trần Ngọc Chu  
Tổng Giám đốc



Ngày 26 tháng 5 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>1.053.527.808.187</b>	<b>781.431.138.886</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11, 12	321.603.497.318	261.520.727.145
03	Các khoản dự phòng		9.647.703.090	4.598.634.459
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	21,2, 23	8.105.848.424	2.936.580.936
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(17.409.118.274)	(5.727.611.617)
06	Chi phí lãi vay	23	193.855.852.810	108.384.318.734
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>1.569.331.591.555</b>	<b>1.153.143.788.543</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(1.565.876.694.085)	482.279.120.417
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(3.630.430.271.634)	514.521.066.427
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(680.857.036.986)	463.428.941.885
12	Tăng chi phí trả trước		(87.860.222.497)	(18.969.048.580)
14	Tiền lãi vay đã trả		(185.227.829.959)	(109.184.806.370)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(190.540.377.926)	(124.407.687.736)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(29.537.484.056)	(13.539.077.582)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(4.800.998.325.588)</b>	<b>2.347.272.297.004</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(1.948.517.886.894)	(630.038.861.648)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		36.301.468.280	576.586.376
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.150.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.367.000.000
27	Tiền lãi đã nhận		362.310.072	5.557.750.877
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.915.004.108.542)</b>	<b>(619.537.524.395)</b>


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
31	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		-	116.395.667.397
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(508.729)
33	Tiền thu từ đi vay		15.298.355.966.508	5.233.165.402.343
34	Tiền trả nợ gốc vay		(8.686.374.327.021)	(6.339.508.826.961)
35	Tiền trả nợ thuê tài chính		(39.507.020.621)	(33.205.585.562)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(195.895.385.600)	(121.824.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>6.376.579.233.266</b>	<b>(1.023.275.675.512)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(339.423.200.864)</b>	<b>704.459.097.097</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>576.620.705.083</b>	<b>276.693.474.303</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(421.223.526)	(2.467.849.427)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>236.776.280.693</b>	<b>978.684.721.973</b>

  
Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Người lập

  
Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng

  
Trần Ngọc Chu  
Tổng Giám đốc



Ngày 26 tháng 5 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2001 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có hai trăm bảy mươi ba (273) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 là 7.941 (30 tháng 9 năm 2016: 7.095).

**Cơ cấu tổ chức**

Tập đoàn bao gồm Công ty và 16 công ty con như sau:

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen ("HSS")

HSS là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700763651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 11 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSS tọa lạc tại số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của HSS trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSS (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen ("HSBM")

HSBM là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3500786179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSBM tọa lạc tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của HSBM trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSBM (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định ("HSBD")

HSBD là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4101425750 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 14 tháng 5 năm 2014. Trụ sở đăng ký của HSBD tọa lạc tại Lô A1.1 và TT 6.2 & 7 Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của HSBD trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSBD (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen ("HTME")

HTME là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700785528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HTME tọa lạc tại số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của HTME trong kỳ hiện tại là cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HTME (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An ("HSNA")

HSNA là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901788319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 12 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSNA tọa lạc tại Lô CN 1-8 Khu Công nghiệp Đông Hải, Xã Quỳnh Lập, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính của HSNA trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại, và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSNA (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam ("HSHN")

HSHN là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0700759219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 15 tháng 9 năm 2015. Trụ sở đăng ký của HSHN tọa lạc tại Cụm Công Nghiệp Kiện Khê I, Thị trấn Kiện Khê, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam. Hoạt động chính của HSHN trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSHN (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định ("HSNH")

HSNH là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4101453370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 26 tháng 11 năm 2015. Trụ sở đăng ký của HSNH tọa lạc tại Thôn Hội Sơn, Xã Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của HSNH trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp bằng kim loại.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSNH (30 tháng 9 năm 2016: 100%).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

▶ Công ty Cổ phần Hoa Sen Vân Hội ("HSVH")

HSVH là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200861301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 5 tháng 5 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSVH tọa lạc tại Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSVH trong kỳ hiện tại là kinh doanh bất động sản, và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu và 70% quyền biểu quyết trong HSVH (30 tháng 9 năm 2016: 70%).

▶ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái ("HSYB")

HSYB là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200861319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 5 tháng 5 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSYB tọa lạc tại Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSYB trong kỳ hiện tại là kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu Trung tâm Thương mại.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu và 70% quyền biểu quyết trong HSYB (30 tháng 9 năm 2016: 70%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSRE")

HSRE là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607960 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSRE tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSRE trong kỳ hiện tại là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSRE (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Xi Măng Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSCC")

HSCC là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607946 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSCC tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSCC trong kỳ hiện tại là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSCC (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSIP")

HSIP là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSIP tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSIP trong kỳ hiện tại là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSIP (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận (“HSSP”)

HSSP là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSSP tọa lạc tại thôn Thương Diêm 2, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSSP trong kỳ hiện tại là đầu tư cảng sông, cảng biển.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSSP (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận (“HSIC”)

HSIC là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSIC tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSIC trong kỳ hiện tại là sản xuất sắt, thép và gang.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSIC (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ (“HSPM”)

HSPM là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502313442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSPM tọa lạc tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của HSPM trong kỳ hiện tại là sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSPM (30 tháng 9 năm 2016: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái (“HSYB-LTD”)

HSYB-LTD là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200870602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 6 tháng 1 năm 2017. Trụ sở đăng ký của HSYB-LTD tọa lạc tại Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSYB-LTD trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSYB-LTD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu và xem xét liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất biến đổi trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn nhận chuyển nhượng hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng hữu hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, trong khi quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không được trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản khác	5 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	14 - 55 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay, bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tập đoàn trong việc thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.14 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (được gọi là cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại), trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

*Tiền cho thuê tài sản*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31 tháng 3 năm 2017	VND 30 tháng 9 năm 2016
Tiền mặt	21.490.220.177	12.729.078.269
Tiền gửi ngân hàng	214.921.104.641	513.748.104.939
Tiền đang chuyển	221.434.000	50.000.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	143.521.875	143.521.875
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>236.776.280.693</u></b>	<b><u>576.620.705.083</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có thời gian đáo hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất 5%/năm.

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31 tháng 3 năm 2017	VND 30 tháng 9 năm 2016
Các khoản phải thu khách hàng khác	965.959.761.438	512.855.535.081
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	227.300.000	27.493.400
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>966.187.061.438</u></b>	<b><u>512.883.028.481</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.021.279.910)	(6.021.279.910)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>960.165.781.528</u></b>	<b><u>506.861.748.571</u></b>

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31 tháng 3 năm 2017	VND 30 tháng 9 năm 2016
Các khoản trả trước cho người bán khác	517.427.647.660	413.718.365.689
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	4.616.198.665
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>517.427.647.660</u></b>	<b><u>418.334.564.354</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>	<b>217.934.822.732</b>	<b>172.878.302.008</b>
Tạm ứng mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Đặt cọc	81.885.178.380	53.959.892.062
Tạm ứng cho nhân viên	36.509.440.741	20.846.911.314
Phải thu ngắn hạn khác	9.356.976.611	7.888.271.632
<b>Dài hạn</b>	<b>3.470.549.901</b>	<b>3.470.549.901</b>
Ký quỹ	3.470.549.901	3.470.549.901
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>221.405.372.633</b>	<b>176.348.851.909</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(740.000.000)	(740.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>220.665.372.633</b>	<b>175.608.851.909</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>90.183.227.000</i>	<i>90.183.227.000</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên khác</i>	<i>130.482.145.633</i>	<i>85.425.624.909</i>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
Nguyên vật liệu	5.199.681.919.397	1.211.410.567.699
Thành phẩm	1.588.476.870.317	1.358.911.213.509
Hàng hóa	621.732.462.047	273.447.375.269
Công cụ, dụng cụ	589.114.252.843	385.159.981.694
Hàng đang đi trên đường	308.175.261.402	1.576.075.705.558
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	158.918.758.500	30.664.409.143
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.466.099.524.506</b>	<b>4.835.669.252.872</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(19.324.338.115)	(14.168.269.483)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>8.446.775.186.391</b>	<b>4.821.500.983.389</b>

Như được trình bày tại Thuyết minh số 19, Tập đoàn đã dùng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 là 4.596.479.628.862 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31 tháng 3 năm 2017	VND 30 tháng 9 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>	<b>141.634.670.204</b>	<b>89.057.046.906</b>
Chi phí quảng cáo	33.384.382.810	24.585.328.927
Chi phí công cụ, dụng cụ	22.444.561.929	30.110.567.566
Chi phí thuê mặt bằng nhà xưởng, máy móc thiết bị	26.878.311.409	13.439.356.204
Chi phí bảo hiểm	2.520.233.977	1.272.363.610
Chi phí tư vấn	2.998.767.433	1.615.463.792
Khác	53.408.412.646	18.033.966.807
<b>Dài hạn</b>	<b>346.216.176.377</b>	<b>218.966.831.302</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	120.077.915.204	101.715.319.644
Chi phí thuê mặt bằng nhà xưởng, máy móc thiết bị	202.119.143.179	96.224.400.019
Chi phí sửa chữa	12.697.915.562	12.044.617.510
Khác	11.321.202.432	8.982.494.129
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>487.850.846.581</u></b>	<b><u>308.023.878.208</u></b>

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

Số dư phải thu về cho vay dài hạn vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 thể hiện số tiền Tập đoàn cho Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An mượn, nhằm mục đích chi trả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghiệp Đông Hải, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Khoản cho mượn này là tín chấp, không chịu lãi suất và sẽ đến hạn vào ngày 25 tháng 6 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Nguyên giá:	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
						VND
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	1.208.349.888.248	4.668.890.879.333	410.415.542.405	25.462.748.305	21.469.976.260	6.334.589.034.551
Mua mới trong kỳ	1.479.821.711	109.816.514.412	59.290.707.571	12.404.209.707	-	182.991.253.401
Đầu tư xây dựng	77.489.318.132	427.405.512.441	10.939.411.487	1.441.453.442	-	517.275.695.502
cơ bản hoàn thành	(600.000.000)	(44.051.478.770)	(1.064.066.001)	-	-	(45.715.544.771)
Thanh lý nhượng bán						
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	1.286.719.028.091	5.162.061.427.416	479.581.595.462	39.308.411.454	21.469.976.260	6.989.140.438.683
Trong đó:						
Đã khấu hao lũy kế:	17.095.415.553	558.586.303.082	20.298.604.624	1.704.510.398	1.173.730.294	598.858.563.951
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	(298.403.104.538)	(1.888.702.822.164)	(112.384.028.145)	(9.048.250.503)	(15.329.275.939)	(2.323.867.481.289)
Khấu hao trong kỳ	(33.773.907.631)	(226.772.810.957)	(25.353.565.090)	(2.544.201.955)	(1.489.943.592)	(289.934.429.225)
Thanh lý nhượng bán	311.083.333	28.542.065.359	1.064.066.001	-	-	29.917.214.693
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	(331.865.928.836)	(2.086.933.567.762)	(136.673.527.234)	(11.592.452.458)	(16.819.219.531)	(2.583.884.695.821)
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	909.946.783.710	2.780.188.057.169	298.031.514.260	16.414.497.802	6.140.700.321	4.010.721.553.262
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	954.853.099.255	3.075.127.859.654	342.908.068.228	27.715.958.996	4.650.756.729	4.405.255.742.862

Như được trình bày tại Thuyết minh số 19, Tập đoàn đã dùng nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị văn phòng và tài sản hữu hình khác với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 lần lượt là 583.303.903.704 VND, 2.738.027.651.756 VND; 186.581.786.028 VND; 5.609.128.456 VND và 569.889.188 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	VND		
	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	370.117.377.749	20.332.727.270	390.450.105.019
Tăng trong kỳ	<u>18.551.827.412</u>	<u>-</u>	<u>18.551.827.412</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>388.669.205.161</u>	<u>20.332.727.270</u>	<u>409.001.932.431</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	(100.120.989.216)	(4.105.983.261)	(104.226.972.477)
Khấu hao trong kỳ	<u>(28.881.912.694)</u>	<u>(1.018.557.677)</u>	<u>(29.900.470.371)</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>(129.002.901.910)</u>	<u>(5.124.540.938)</u>	<u>(134.127.442.848)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	<u>269.996.388.533</u>	<u>16.226.744.009</u>	<u>286.223.132.542</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>259.666.303.251</u>	<u>15.208.186.332</u>	<u>274.874.489.583</u>

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	321.122.786.265	1.818.224.781	322.941.011.046
Thanh lý trong kỳ	<u>(3.456.330.000)</u>	<u>-</u>	<u>(3.456.330.000)</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>317.666.456.265</u>	<u>1.818.224.781</u>	<u>319.484.681.046</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	456.396.144	1.734.584.781	2.190.980.925
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	(27.827.904.998)	(1.801.636.181)	(29.629.541.179)
Hao mòn trong kỳ	<u>(1.760.233.722)</u>	<u>(8.364.000)</u>	<u>(1.768.597.722)</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>(29.588.138.720)</u>	<u>(1.810.000.181)</u>	<u>(31.398.138.901)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	<u>293.294.881.267</u>	<u>16.588.600</u>	<u>293.311.469.867</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>288.078.317.545</u>	<u>8.224.600</u>	<u>288.086.542.145</u>

Như được trình bày tại Thuyết minh số 19, Tập đoàn đã thế chấp một số quyền sử dụng đất với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 là 236.344.618.088 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31 tháng 3 năm 2017	VND 30 tháng 9 năm 2016
Mua sắm tài sản cố định	1.015.449.228.498	173.966.203.042
Chi phí xây dựng nhà máy	410.913.095.114	112.969.902.665
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.310.627.743	6.599.936.834
Chi phí khác	3.149.010.845	553.554.956
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.431.821.962.200</u></b>	<b><u>294.089.597.497</u></b>

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31 tháng 3 năm 2017	VND 30 tháng 9 năm 2016
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	24.560.736.926	25.902.371.384
Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (**)	46.600.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>71.160.736.926</u></b>	<b><u>25.902.371.384</u></b>

(\*) Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Công ty	31 tháng 3 năm 2017		30 tháng 9 năm 2016		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư VND		
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen	45	20.510.736.926	45	25.002.371.384	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển
- Gemadep Công ty Cổ phần Hoa Sen Hội Vân	45	450.000.000	45	450.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	45	3.600.000.000	45	450.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>24.560.736.926</u></b>		<b><u>25.902.371.384</u></b>		

(\*\*) Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam có thời hạn mười (10) năm và hưởng lãi suất thả nổi +1%/ năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31 tháng 3 năm 2017	VND 30 tháng 9 năm 2016
Phải trả bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	19.879.969.750	11.258.405.597
Phải trả người bán khác	1.017.900.979.156	1.609.231.521.388
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ep Steel Trading Co., Ltd.</i>	-	489.859.708.622
<i>Baosteel Singapore Pte Ltd.</i>	-	256.372.215.014
<i>Khác</i>	<u>1.017.900.979.156</u>	<u>862.999.597.752</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.037.780.948.906</u></b>	<b><u>1.620.489.926.985</u></b>

**15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31 tháng 3 năm 2017	VND 30 tháng 9 năm 2016
Trả trước từ bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	123.473.371.876	26.413.121.165
Trả trước từ các bên khác	85.967.812.520	125.931.086.087
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>209.441.184.396</u></b>	<b><u>152.344.207.252</u></b>

**16. THUẾ**

	30 tháng 9 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND 31 tháng 3 năm 2017
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	114.928.828.914	163.709.598.747	(190.540.377.926)	88.098.049.735
Thuế GTGT	76.547.803.465	1.115.086.552.896	(1.113.098.608.005)	78.535.748.356
Thuế thu nhập cá nhân	3.119.851.654	30.608.926.366	(24.266.989.575)	9.461.788.445
Các loại thuế khác	1.914.398.366	148.774.735.194	(141.686.350.677)	9.002.782.883
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>196.510.882.399</u></b>	<b><u>1.458.179.813.203</u></b>	<b><u>(1.469.592.326.183)</u></b>	<b><u>185.098.369.419</u></b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế GTGT được khấu trừ	472.570.764.899	1.079.395.723.649	(159.785.082.050)	1.392.181.406.498
Thuế thu nhập cá nhân	11.997.869	627.914.049	-	639.911.918
Các loại thuế khác	-	1.527.873	-	1.527.873
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>472.582.762.768</u></b>	<b><u>1.080.025.165.571</u></b>	<b><u>(159.785.082.050)</u></b>	<b><u>1.392.822.846.289</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
Thưởng và lương tháng 13	25.984.154.500	187.345.248.580
Chi phí điện	12.641.465.164	11.627.442.689
Chi phí lãi vay	12.792.847.455	4.164.824.604
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.051.141.532	13.043.613.180
Khác	4.399.883.858	46.245.507.559
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>62.869.492.509</b>	<b>262.426.636.612</b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
Tiền nhận trước từ nhân viên cho việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	34.371.710.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	5.817.163.780	761.223.150
Nhận đặt cọc	6.943.790.000	28.888.223.493
Phải trả cổ tức	5.346.977.550	4.702.534.150
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	3.099.848.000	-
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.009.075.091	1.002.300.000
Các khoản phải trả khác	21.320.324.388	11.186.121.138
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>77.908.888.809</b>	<b>46.540.401.931</b>

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	VND	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>10.136.433.479.592</b>	<b>4.366.172.782.781</b>
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	9.751.040.384.232	3.954.271.503.856
Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	313.706.183.993	340.564.271.336
Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 19.3)	71.686.911.367	71.337.007.589
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>2.241.279.758.454</b>	<b>1.418.572.001.810</b>
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	2.164.728.599.705	1.316.636.732.692
Nợ dài hạn thuê tài chính (Thuyết minh số 19.3)	76.551.158.749	101.935.269.118
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.377.713.238.046</b>	<b>5.784.744.784.591</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuế tài chính trong kỳ như sau:

	VND Giá trị
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	5.784.744.784.591
Tiền thu từ đi vay	15.298.355.966.508
Nợ thuế tài chính phát sinh	14.472.814.030
Tiền chi trả nợ gốc vay	(8.725.881.347.642)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.021.020.559
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017	<u>12.377.713.238.046</u>

**19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	31 tháng 3 năm 2017 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương</b>				
Vay VND	1.748.491.945.121	Từ ngày 22 tháng 4 năm 2017 đến ngày 30 tháng 9 năm 2017	Từ 4,7 đến 5,3	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Vay USD	225.040.991.082	Từ ngày 15 tháng 5 năm 2017 đến ngày 20 tháng 7 năm 2017	Từ 1,8 đến 2,4	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương</b>				
Vay VND	3.233.424.410.632	Từ ngày 21 tháng 5 năm 2017 đến ngày 31 tháng 8 năm 2017	Từ 4,5 đến 5	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Vay USD	237.606.097.032	Từ ngày 10 tháng 7 năm 2017 đến ngày 24 tháng 7 năm 2017	2,0	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
<b>Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương</b>				
Vay VND	248.696.037.484	Từ ngày 9 tháng 5 năm 2017 đến ngày 18 tháng 5 năm 2017	Từ 5,0 đến 5,2	Quyền sử dụng đất và hàng tồn kho
Vay USD	50.095.801.812	Ngày 9 tháng 8 năm 2017	2,4	Quyền sử dụng đất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	31 tháng 3 năm 2017 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>				
Vay VND	55.603.069.703	Ngày 14 tháng 6 năm 2017	5,2	Hàng tồn kho và máy móc, thiết bị
Vay USD	100.139.773.492	Ngày 5 tháng 6 năm 2017	2,0	Hàng tồn kho và máy móc, thiết bị
<b>Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)</b>				
Vay VND	365.805.087.709	Từ ngày 15 tháng 4 năm 2017 đến ngày 14 tháng 7 năm 2017	Từ 4,95 đến 5,4	Quyền sử dụng đất
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>				
Vay VND	877.614.137.531	Từ ngày 5 tháng 5 năm 2017 đến ngày 20 tháng 9 năm 2017	Từ 4,7 đến 5,3	Tín chấp
<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn</b>				
Vay VND	110.690.000.000	Từ ngày 11 tháng 4 năm 2017 đến ngày 29 tháng 6 năm 2017	Từ 4,5 đến 5,0	Tín chấp
<b>Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)</b>				
Vay VND	40.508.411.214	Ngày 28 tháng 4 năm 2017	4,6	Hàng tồn kho; quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Vay USD	506.658.181.547	Từ ngày 18 tháng 5 năm 2017 đến ngày 19 tháng 7 năm 2017	Từ 1,75 đến 1,9	Hàng tồn kho; quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
<b>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</b>				
Vay USD	39.674.284.863	Ngày 12 tháng 6 năm 2017	2,3	Hàng tồn kho
<b>Ngân hàng UOB Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>				
Vay USD	89.043.057.300	Ngày 25 tháng 5 năm 2017	1,75	Hàng tồn kho
<b>Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Tân Thuận</b>				
Vay VND	82.314.069.927	Từ ngày 14 tháng 5 năm 2017 đến ngày 20 tháng 5 năm 2017	6,0	Hàng tồn kho



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	31 tháng 3 năm 2017 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu</b>				
Vay VND	99.410.937.811	Ngày 25 tháng 12 năm 2017	4,5	Hàng tồn kho
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài</b>				
Vay VND	170.319.276.756	Từ ngày 28 tháng 5 năm 2017 đến ngày 22 tháng 8 năm 2017	Từ 4,6 đến 5,0	Hàng tồn kho
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An</b>				
Vay VND	567.682.835.891	Từ ngày 25 tháng 5 năm 2017 đến ngày 25 tháng 8 năm 2017	Từ 4,8 đến 5,0	Nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Sở Giao Dịch 2</b>				
Vay VND	113.250.390.970	Từ ngày 27 tháng 6 năm 2017 đến ngày 20 tháng 7 năm 2017	5,5	Tín chấp
<b>Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình</b>				
Vay USD	184.938.606.416	Từ ngày 13 tháng 7 năm 2017 đến ngày 21 tháng 8 năm 2017	Từ 2,0 đến 2,4	Tín chấp
<b>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam</b>				
Vay USD	306.769.154.743	Từ ngày 16 tháng 5 năm 2017 đến ngày 10 tháng 7 năm 2017	Từ 1,85 đến 1,95	Tín chấp
<b>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>				
Vay USD	297.263.825.196	Từ ngày 21 tháng 5 năm 2017 đến ngày 24 tháng 6 năm 2017	1,8	Quyền sử dụng đất, hàng tồn kho
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.751.040.384.232</b>			

Tập đoàn sử dụng các khoản vay ngắn hạn này cho mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**19.2 Vay dài hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	31 tháng 3 năm 2017 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương</b>				
Vay VND	169.715.791.002	Từ ngày 31 tháng 10 năm 2018 đến ngày 7 tháng 02 năm 2023	Từ 7,5 đến 9,0	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
<b>Ngân hàng TMCP Bản Việt</b>				
Vay VND	42.684.410.000	Từ ngày 4 tháng 2 năm 2018 đến ngày 26 tháng 11 năm 2019	8,0	Phương tiện vận tải
<b>Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Tân Thuận</b>				
Vay VND	18.947.584.000	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2020 đến ngày 17 tháng 6 năm 2020	8,0	Phương tiện vận tải
<b>Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương</b>				
Vay VND	2.000.070.966.045	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2017 đến ngày 5 tháng 1 năm 2026	Từ 7,5 đến 10,5	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
<b>Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương</b>				
Vay USD	21.899.301.702	Ngày 20 tháng 6 năm 2018	1,7	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
<b>Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương</b>				
Vay VND	22.784.079.985	Ngày 7 tháng 1 năm 2019	8,0	Quyền sử dụng đất, và phương tiện vận tải
<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương</b>				
Vay VND	15.280.000.000	Ngày 25 tháng 9 năm 2017	8,0	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
<b>Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu</b>				
Vay VND	118.824.767.625	Ngày 18 tháng 7 năm 2021	7,0	Nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**19.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	31 tháng 3 năm 2017 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
-----------	---------------------------------	--------------	---------------------	----------------------

**Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Vay VND	64.583.333.339	Từ ngày 10 tháng 4 năm 2017 đến ngày 9 tháng 10 năm 2019	Từ 6,37 đến 8,39	Nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
---------	----------------	---	---------------------	--

**Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Phú Tài**

Vay VND	3.644.550.000	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2017 đến ngày 25 tháng 4 năm 2019	8,0	Nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải
---------	---------------	---	-----	---

**TỔNG  
CỘNG** 2.478.434.783.698

Trong đó:

Vay dài hạn  
đến hạn trả 313.706.183.993  
Vay dài hạn 2.164.728.599.705

Tập đoàn sử dụng các khoản vay dài hạn nhằm mục đích xây dựng và mua sắm tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**19.3 Nợ thuế tài chính**

Chi tiết các khoản nợ thuế tài chính như sau:

Tập đoàn hiện đang thuế máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	31 tháng 3 năm 2017		30 tháng 9 năm 2016		VND
	Tổng các khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Nợ gốc	Tổng các khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	
<b>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>					
Dưới 1 năm	80.456.336.460	71.686.911.367	82.543.681.008	11.206.673.419	71.337.007.589
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>					
Từ 1 - 5 năm	82.173.209.214	76.551.158.749	110.918.984.884	8.983.715.766	101.935.269.118
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>162.629.545.674</b>	<b>148.238.070.116</b>	<b>193.462.665.892</b>	<b>20.190.389.185</b>	<b>173.272.276.707</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016:</b>								
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 (trình bày trước đây)	1.007.907.900.000	487.290.470.363	(52.113.695.510)	-	8.525.313.060	6.605.155.369	1.452.507.322.241	2.910.722.465.523
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 (phân loại lại) (*)	1.007.907.900.000	487.290.470.363	(52.113.695.510)	8.525.313.060	-	6.605.155.369	1.452.507.322.241	2.910.722.465.523
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	605.750.734.570	605.750.734.570
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	302.362.770.000	-	-	-	-	-	(302.362.770.000)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(508.729)	-	-	-	-	(508.729)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	64.281.463.158	52.114.204.239	-	-	-	-	116.395.667.397
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(26.114.981.672)	(26.114.981.672)
Trích lập quỹ khác	-	-	-	(8.525.313.060)	-	29.379.354.381	(29.379.354.381)	-
Hoàn nhập quỹ Thường vượt kế hoạch	-	-	-	-	-	-	8.525.313.060	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(11.254.269.393)	(21.902.000.000)	(21.902.000.000)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	1.310.270.670.000	551.571.933.521	-	-	-	24.730.240.357	1.687.024.263.818	3.573.597.107.696

(\*) Phân loại lại theo Thông tư số 200/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017:</b>							
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	1.965.398.290.000	551.571.933.521	-	-	6.784.575.670	1.602.771.684.847	4.126.526.484.038
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	855.742.900.282	855.742.900.282
Trả cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(196.539.829.000)	(196.539.829.000)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(60.167.737.724)	(60.167.737.724)
Trích lập quỹ khác	-	-	-	-	67.688.704.939	(67.688.704.939)	-
Thường vượt kế hoạch	-	-	-	-	-	(51.300.000.000)	(51.300.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(26.571.644.057)	-	(26.571.644.057)
<b>Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017</b>	<b>1.965.398.290.000</b>	<b>551.571.933.521</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>47.901.636.552</b>	<b>2.082.818.313.466</b>	<b>4.647.690.173.539</b>

(\*) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2017 ngày 6 tháng 1 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/NQ/HĐQT/2017 ngày 7 tháng 2 năm 2017 đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu kỳ	1.965.398.290.000	1.007.907.900.000
Tăng trong kỳ	-	302.362.770.000
Số cuối kỳ	<u>1.965.398.290.000</u>	<u>1.310.270.670.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	196.539.829.000	-
Cổ tức đã trả bằng tiền	195.895.385.600	121.824.000

**20.3 Vốn cổ phần**

	Số lượng cổ phiếu	
	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	196.539.829	196.539.829
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	196.539.829	196.539.829

Cổ phiếu đã được phát hành của Công ty có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.4 Lãi trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	855.742.900.282	605.750.734.570
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(34.229.716.011)	(24.230.029.383)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	821.513.184.271	581.520.705.187
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (**)	<u>196.539.829</u>	<u>196.539.829</u>
<b>Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>		
Lãi cơ bản	4.180	2.959
Lãi suy giảm	4.180	2.959

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập với tỷ lệ 4% của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ/DHĐCĐ/2017 ngày 6 tháng 1 năm 2017.

(\*\*) Tổng số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ trước đã được điều chỉnh hồi tố do việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các cổ đông hiện hữu của Công ty phát sinh vào ngày 10 tháng 6 năm 2016.

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>12.064.180.908.246</b>	<b>8.357.689.023.864</b>
Trong đó:		
Thành phẩm	7.967.431.655.643	6.281.103.732.236
Hàng hóa	4.047.694.577.320	2.066.940.901.321
Hoạt động khác	49.054.675.283	9.644.390.307
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(84.652.337.465)</b>	<b>(53.876.969.381)</b>
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	(79.737.302.640)	(49.012.730.422)
Hàng bán bị trả lại	(4.447.891.270)	(2.127.436.946)
Giảm giá hàng bán	(467.143.555)	(2.736.802.013)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>11.979.528.570.781</u></b>	<b><u>8.303.812.054.483</u></b>
Trong đó:		
Doanh thu với các bên khác	10.167.735.937.669	7.082.639.391.610
Doanh thu với bên liên quan	1.811.792.633.112	1.221.172.662.873



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU (tiếp theo)**

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	30.461.243.671	20.672.374.750
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	528.575.379	493.595.973
Thu nhập lãi tiền gửi	362.310.072	560.695.947
Thu nhập từ đầu tư tài chính	-	4.997.054.930
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>31.352.129.122</u></b>	<b><u>26.723.721.600</u></b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
Thành phẩm	6.236.842.913.967	4.667.989.269.588
Hàng hóa	3.539.204.104.240	1.886.515.569.446
Hoạt động khác	-	1.534.647.597
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.776.047.018.207</u></b>	<b><u>6.556.039.486.631</u></b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
Chi phí lãi vay	193.855.852.810	108.384.318.734
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	69.573.528.417	15.437.427.798
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.634.423.803	3.430.176.909
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4.491.634.458	4.491.634.459
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>276.555.439.488</u></b>	<b><u>131.743.557.900</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>642.563.300.681</b>	<b>473.701.714.961</b>
Chi phí nhân viên	161.420.235.880	109.083.631.003
Chi phí khấu hao và hao mòn	35.993.633.659	20.002.861.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài	306.877.325.566	251.058.458.011
Chi phí khác	138.272.105.576	93.556.764.570
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>323.318.417.202</b>	<b>386.290.734.635</b>
Chi phí nhân viên	155.930.668.893	183.559.412.760
Chi phí khấu hao và hao mòn	21.400.731.297	18.593.198.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.420.880.452	23.534.828.996
Chi phí khác	122.566.136.560	160.603.294.454
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>965.881.717.883</b>	<b>859.992.449.596</b>

**25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>62.021.735.829</b>	<b>8.956.713.228</b>
Tiền bồi thường	37.945.082.919	3.557.160.129
Thu từ thanh lý tài sản cố định	17.046.808.202	169.860.740
Thu nhập khác	7.029.844.708	5.229.692.359
<b>Chi phí khác</b>	<b>(890.451.967)</b>	<b>(10.285.856.298)</b>
Chi phí khác	(890.451.967)	(10.285.856.298)
<b>LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC</b>	<b>61.131.283.862</b>	<b>(1.329.143.070)</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
Chi phí nguyên vật liệu	7.561.353.099.972	5.860.673.907.771
Chi phí nhân viên	462.255.184.773	407.284.083.760
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10, 11 và 12)	321.603.497.318	261.520.727.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	865.625.866.573	756.637.502.584
Chi phí khác	582.248.831.280	459.306.675.511
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.793.086.479.916</b>	<b>7.745.422.896.771</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ:

- HSBD được miễn thuế TNDN trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng trong 4 năm tiếp theo.
- Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho HSNA và HSNH là 10% thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi các công ty con này phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Các công ty con này được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng trong 9 năm tiếp theo.
- Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho HSHN là 17% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ năm 2016 và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế TNDN trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng trong 4 năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
		VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	163.710.448.747	178.351.108.492
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu kỳ trước	(850.000)	39.089.728
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	34.080.275.191	(2.709.793.904)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>197.789.873.938</b>	<b>175.680.404.316</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
		VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.053.527.808.187</b>	<b>781.431.138.886</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn	197.611.055.696	165.050.817.417
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Chi phí không được trừ	11.937.753.826	12.086.135.410
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu kỳ trước	(850.000)	39.089.728
Khác	4.059.112.803	227.926.357
Thuế TNDN được miễn, giảm	(15.817.198.387)	(1.774.742.047)
Ảnh hưởng của việc thay đổi thuế suất	-	51.177.451
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>197.789.873.938</b>	<b>175.680.404.316</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**27.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>30 tháng 9 năm 2016</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
Lợi nhuận chưa thực hiện	30.386.027.100	33.017.132.333	(2.631.105.233)	907.300.040
Chi phí phải trả	16.136.587.126	45.849.491.271	(29.712.904.145)	2.580.768.181
Các khoản dự phòng	11.652.224.152	13.760.789.860	(2.108.565.708)	898.326.891
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	398.253.660	68.118.757	330.134.903	(1.412.783.196)
Khác	2.150.949.410	2.108.784.418	42.164.992	(263.818.012)
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>60.724.041.448</b>	<b>94.804.316.639</b>		
<b>(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(34.080.275.191)</b>	<b>2.709.793.904</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	VND
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng hóa Mua hàng hóa Chiết khấu thương mại Bán tài sản cố định Nhận dịch vụ vận chuyển Nhận dịch vụ	1.810.835.164.934 1.150.472.006.130 30.338.104.597 28.338.441.005 25.664.857.497 18.874.499.997	1.232.439.200.996 192.120.189.885 11.699.309.329 -	9.726.003.705 11.260.082.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghệp vụ	31 tháng 3 năm 2017	30 tháng 9 năm 2016
<i>VND</i>				
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng	227.300.000	27.493.400
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Trả trước	-	4.616.198.665
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Mua hàng hóa	19.879.969.750	11.258.405.597
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Tạm ứng	123.473.371.876	26.413.121.165
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
DNTN Kinh doanh Bất động sản Hương Sen	Bên liên quan	Trả lại tiền mua đất	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Khác	9.075.091	2.300.000
			<u>1.009.075.091</u>	<u>1.002.300.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Chi tiết lương và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>
Lương Ban Tổng Giám đốc	11.081.156.666	6.917.110.950
Thưởng Ban Tổng Giám đốc	14.580.000.000	5.968.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	990.000.000	869.000.000
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	26.810.000.000	11.636.460.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>53.461.156.666</u></b>	<b><u>25.390.570.950</u></b>

**29. CÁC CAM KẾT**

*Cam kết thuê hoạt động*

Tập đoàn hiện đang thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>31 tháng 3 năm 2017</i>	<i>30 tháng 9 năm 2016</i>
Dưới 1 năm	86.064.360.653	82.759.697.967
Từ 1 tới 5 năm	295.066.044.061	287.468.710.149
Trên 5 năm	415.323.400.767	301.261.164.310
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>796.453.805.481</u></b>	<b><u>671.489.572.426</u></b>

*Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn*

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Tập đoàn có khoản cam kết trị giá 1.748.194.316.732 VND (30 tháng 9 năm 2016: 1.476.770.906.397 VND) chủ yếu liên quan đến việc mua sắm máy móc mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận khu vực địa lý của Tập đoàn. Báo cáo bộ phận chính yếu, là bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Tập đoàn.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

*Bộ phận theo khu vực địa lý*

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("Xuất khẩu").

	Trong nước			Xuất khẩu			Tổng cộng		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	
Doanh thu	7.306.567.433.204	5.383.328.445.500	4.672.961.137.577	2.920.483.608.983	11.979.528.570.781	8.303.812.054.483			
Giá vốn	(5.850.506.066.393)	(3.691.231.524.450)	(3.925.540.951.814)	(2.864.807.962.181)	(9.776.047.018.207)	(6.556.039.486.631)			
Lợi nhuận gộp	1.456.061.366.811	1.692.096.921.050	747.420.185.763	55.675.646.802	2.203.481.552.574	1.747.772.567.852			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 20 tháng 4 năm 2017, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ hai mươi bảy do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, chấp thuận việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 2.000.000.000.000 VND từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 5 năm 2017